TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 945/2026/DS-PT
Ngày: 27 - 7 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Nam.

Các thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;

2. Bà Lê Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2026/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2026, về việc *"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2026/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2026, của Toà án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 345/2026/QĐ-PT, ngày 30 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Đặng Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp Voi, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, có mặt;
- *Bị đơn:* anh Trần An Q, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp Thuận Lâm, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

Người kháng cáo: chị Đặng Thị H, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày:

Chị và anh Trần An Q có quan hệ quen biết vào năm 2020, ngày 28/5/2024 chị có cho anh Q vay 29.000.000 đồng. Đến ngày 15/7/2024, chị cho anh Q vay tiếp 40.000.000 đồng. Khi vay tiền anh Q có viết giấy nợ, anh Q ký tên, ghi rõ họ tên. Việc

vay tiền giữa chị và anh Q không có ai chứng kiến.

Đến tháng 8/2025 anh Q trả được 20.000.000 đồng tại quán cà phê Trung Phương (Bến Cầu), có anh Phong – bạn anh Q chứng kiến. Sau đó anh lại nhà anh Q trả thêm 10.000.000 đồng. Hiện anh Q còn nợ chị H 39.000.000 đồng. Nay chị khởi kiện yêu cầu anh Q trả cho chị số tiền 39.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, chị không cung cấp được bản chính 02 giấy vay tiền giữa chị và anh Q.

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần An Q trình bày:

Năm 2022, anh có quen biết và có quan hệ tình cảm với chị Đặng Thị H và anh có đưa cho chị H 150.000.000 đồng để cất nhà và chị H hứa khi nào bán được nhà sẽ trả tiền cho anh. Ngày 28/5/2024, anh có vay của chị H 29.000.000 đồng, có viết giấy mượn nợ, chữ ký, chữ viết trong giấy mượn nợ là của anh. Đến ngày 15/7/2024, anh có mượn tiếp 11.000.000 đồng nên chị H làm lại giấy nợ là 40.000.000 đồng; chữ ký và viết tên trong hai giấy mượn nợ là của anh. Do là chỗ quen biết nên không xóa giấy nợ cũ, thực tế anh chỉ nợ chị H 40.000.000 đồng. Sau đó anh trả chị H 30.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng đã trả lãi cho chị H tại Ngân hàng nên hiện anh không còn nợ tiền chị H. Do đã trả nợ xong cho chị H nên chị H mới trả lại 02 bản chính giấy nợ cho anh, hiện tại, anh đã hủy hai giấy nợ này. Do đó, anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2026/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2026, của Toà án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh, đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Q hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H đối với anh Trần An Q về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/5/2026, chị Đặng Thị H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc anh Q trả lại số tiền 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H thay đổi yêu cầu kháng cáo cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm anh Q thừa nhận có vay của chị 40.000.000 đồng còn nợ lại chị 10.000.000 đồng, anh Q cho rằng đã trả lãi cho ngân hàng nhưng không có chứng cứ gì chứng minh việc trả lãi đó, nên chị yêu cầu anh Q trả cho chị số tiền 10.000.000 đồng còn nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực

hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Đặng Thị H; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Đặng Thị H kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 39.000.000 đồng theo hai giấy vay tiền lập ngày 28/5/2024 và ngày 15/7/2024. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho rằng thực tế tổng số tiền vay chỉ là 40.000.000 đồng và đã thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; sau khi thanh toán, nguyên đơn đã giao lại bản chính các giấy vay tiền để bị đơn tiêu hủy.

Do các đương sự đều thống nhất giữa các bên có xác lập quan hệ vay tài sản nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn đối với việc xác định số tiền vay và nghĩa vụ thanh toán còn lại của bị đơn.

[3] Xét kháng cáo của chị Đặng Thị H thấy rằng:

Hai bên đương sự đều thống nhất bị đơn có ký và ghi rõ họ tên trong giấy vay tiền ngày 28/5/2024 với số tiền 29.000.000 đồng và giấy vay tiền ngày 15/7/2024 ghi số tiền 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng đây là hai khoản vay độc lập, tổng số tiền bị đơn đã vay là 69.000.000 đồng; trong khi bị đơn trình bày giấy vay ngày 15/7/2024 được lập sau khi vay thêm 11.000.000 đồng để ghi nhận lại tổng số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của người làm chứng anh Phan Hoàng Minh Nhựt được trình bày thống nhất trong suốt quá trình giải quyết vụ án, phù hợp với lời trình bày của bị đơn và không mâu thuẫn với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo lời khai của người làm chứng, khi lập giấy vay tiền ngày 15/7/2024 nguyên đơn chỉ giao thêm cho bị đơn một khoản tiền phát sinh, không phải giao thêm số tiền 40.000.000 đồng.

Mặt khác, nội dung giấy vay tiền ngày 15/7/2024 chỉ thể hiện số tiền vay là 40.000.000 đồng, không thể hiện đây là khoản vay mới độc lập ngoài khoản vay ngày 28/5/2024. Ngoài lời trình bày của mình, nguyên đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ngày 15/7/2024 đã giao thêm cho bị đơn số tiền 40.000.000 đồng như trình bày. Trong khi đó, lời khai của bị đơn phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với nội dung giấy vay tiền lập ngày 15/7/2024. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tiền vay giữa các bên là 40.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Đối với việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán số tiền 30.000.000 đồng nhưng cho rằng vẫn còn nợ 39.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn không còn lưu giữ bản chính các giấy vay tiền và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh sau khi bị đơn đã thanh toán 30.000.000 đồng thì vẫn còn nghĩa vụ trả số tiền 39.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện nghĩa vụ trả nợ của bị đơn vẫn còn tồn tại. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn xác nhận bản chính các giấy vay không còn lưu giữ; trong khi bị đơn trình bày sau khi thanh toán xong khoản vay thì nguyên đơn đã giao lại các giấy vay và bị đơn đã hủy.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Trong vụ án này, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ trực tiếp chứng minh bị đơn còn nợ số tiền 39.000.000 đồng, đồng thời cũng không chứng minh được việc các giấy vay tiền vẫn còn giá trị làm căn cứ xác lập nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, việc cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn chưa thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đặng Thị H thay đổi yêu cầu kháng cáo chỉ yêu cầu anh Q có nghĩa vụ hoàn trả cho chị H số tiền 10.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án hoặc chứng minh Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập và đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện; việc áp dụng các quy định tại các Điều 91, 93 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Q hội.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Đặng Thị H.

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2026/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm

2026, của Toà án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H đối với anh Trần An Q về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Đặng Thị H phải chịu 1.950.000 (một triệu, chín trăm năm mươi nghìn) đồng, được khấu trừ 975.000 (chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015211 ngày 12/12/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, chị H còn phải nộp tiếp số tiền 975.000 (chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

2.2. Anh Trần An Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010407 ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND khu vực 12 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 12 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nam